

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 218 /TTr-UBND

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 12 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị phê chuẩn Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;
thu, chi ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Thanh Hóa.**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán năm 2021 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-BTC ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 176/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND

tính về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025 tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và ổn định đến năm 2025 tỉnh Thanh Hóa;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương (NSĐP) năm 2023, tỉnh Thanh Hóa, như sau:

A. Nguyên tắc xây dựng dự toán năm 2023.

Năm 2023 là năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2021-2025. Vì vậy, khi xây dựng dự toán NSNN năm 2023 cần quán triệt các nguyên tắc sau:

1. Đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; các nguyên tắc, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

2. Năm 2023, Trung ương xác định lại tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu, áp dụng cho cả thời kỳ ổn định ngân sách và số bổ sung cân đối cho từng địa phương năm 2023. Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối của NSĐP, UBND tỉnh rà soát trình HĐND tỉnh quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách địa phương; tỷ lệ phần trăm phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo quy định.

Tuy nhiên, Thanh Hóa là tỉnh trong nhóm các địa phương được trung ương giữ nguyên tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và điều chỉnh giảm tỷ lệ trợ cấp cân đối (do tăng khả năng tự cân đối). Vì vậy, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giữ nguyên tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025 đã được HĐND tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 176/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025 theo Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021.

3. Bố trí dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học công nghệ và bổ sung Quỹ dự trữ tài chính không thấp hơn dự toán Trung ương giao; bố trí tăng dự phòng ngân sách để phòng chống dịch và các nhiệm vụ cấp bách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Bổ sung kinh phí để thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025; đối với một số chính sách Trung ương ban hành¹ (gồm cả các chính sách có hiệu lực từ năm 2023²), trong quá trình điều hành ngân sách năm

¹ Hỗ trợ ngư dân theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ; cấp bù học phí, chi phí sinh hoạt phí đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

² Miễn học phí cho học sinh trung học cơ sở, điều chỉnh phụ cấp ưu đãi nghề cho cán bộ y tế dự phòng và y tế cơ sở...

2023, Chính phủ sẽ quyết định bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP. Vì vậy, sau khi Trung ương bổ sung, địa phương sẽ thực hiện phân bổ kinh phí theo quy định.

4. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, chống lãng phí, dành thêm nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và hỗ trợ các huyện còn khó khăn về nguồn thu. Đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, các nhiệm vụ, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong giai đoạn 2022 - 2025. Đối với các đề án, nhiệm vụ phát sinh trong năm 2023 chưa được bố trí dự toán, các đơn vị, địa phương chủ động cân đối kinh phí được giao để thực hiện.

5. Các ngành, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định³; đồng thời, chủ động sử dụng nguồn cải cách tiền lương (gồm cả nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang) để thực hiện chi trả chế độ cho số biên chế giáo viên được cấp có thẩm quyền giao bổ sung theo Nghị quyết số 318/NQ-HĐND ngày 27/8/2022 của HĐND tỉnh.

6. Bên cạnh việc tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, thực hiện tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngay từ khi xây dựng dự toán⁴ để dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách khác thuộc trách nhiệm chi của các cấp ngân sách theo phân cấp.

B. DỰ TOÁN THU NSNN

I. Tổng dự toán thu NSNN năm 2023 là: 35.340.000 triệu đồng

1. Thu nội địa: 21.840.000 triệu đồng, bằng 100% dự toán TW giao, bằng 117% so với dự toán năm 2022.

Trong đó:

a) Thu tiền sử dụng đất: 7.100.000 triệu đồng, bằng 101% dự toán 2022.

b) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 23.000 triệu đồng, bằng 92% dự toán 2022.

c) Thu nội địa còn lại là: 14.717.000 triệu đồng, bằng 127% dự toán 2022.

2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 13.500.000 triệu đồng, bằng 123% dự toán năm 2022, trong đó:

a) Thuế xuất khẩu: 208.000 triệu đồng

b) Thuế nhập khẩu: 321.800 triệu đồng

c) Thuế bảo vệ môi trường: 20.000 triệu đồng

³ Từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan đơn vị; tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2022 còn dư (nếu có) chuyển sang; 70% nguồn tăng thu thực hiện năm 2022 so với dự toán tỉnh giao năm 2022; 70% nguồn tăng thu dự toán NSDP năm 2023 so với dự toán năm 2023.

⁴ Trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ và các khoản chi đặc thù không thể cắt giảm, chi theo các hợp đồng cung ứng hàng hóa, dịch vụ đã ký kết từ trước và tiếp tục thực hiện trong năm 2023.

d) Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu:	12.950.000 triệu đồng
II. Tổng nguồn thu NSDP năm 2023:	40.454.235 triệu đồng
1. Thu cân đối ngân sách địa phương:	34.938.315 triệu đồng
a) Thu nội địa điều tiết NSDP:	20.691.300 triệu đồng
<i>Chiếm 59,2% tổng thu cân đối ngân sách địa phương.</i>	
b) Thu bổ sung cân đối từ ngân sách TW:	14.247.015 triệu đồng
<i>Chiếm 40,8% tổng thu cân đối ngân sách địa phương.</i>	
2. Thu bổ sung có mục tiêu:	4.959.638 triệu đồng
a) Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ:	188.288 triệu đồng
b) Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ:	2.402.066 triệu đồng
c) Bổ sung thực hiện các Chương trình MTQG:	2.369.284 triệu đồng
3. Thu chuyển nguồn năm 2022 chuyển sang:	362.682 triệu đồng
4. Bội chi NSDP:	193.600 triệu đồng

C. DỰ TOÁN CHI NSDP

I. Dự toán chi NSDP năm 2023: 40.454.235 triệu đồng

1. Chi đầu tư phát triển: 12.505.572 triệu đồng, chiếm 31% so với tổng chi NSDP.

1.1. Chi đầu tư trong cân đối NSDP:	8.612.057 triệu đồng
1.2. Chi đầu tư từ nguồn vốn TW bổ sung:	3.699.915 triệu đồng
1.3. Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP:	193.600 triệu đồng

2. Chi thường xuyên: 25.474.962 triệu đồng, chiếm 63% so với tổng chi NSDP, chi tiết theo các lĩnh vực như sau:

2.1. Chi sự nghiệp kinh tế:	3.385.628 triệu đồng
2.2. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	11.079.868 triệu đồng
2.3. Chi y tế, dân số và gia đình:	2.498.793 triệu đồng
2.4. Chi quản lý hành chính:	4.074.959 triệu đồng
2.5. Chi VH TT, TDTT, PTTH:	456.937 triệu đồng
2.6. Chi đảm bảo xã hội:	2.082.344 triệu đồng
2.7. Chi khoa học và công nghệ:	115.424 triệu đồng
2.8. Chi sự nghiệp môi trường:	690.712 triệu đồng
2.9. Chi quốc phòng - an ninh địa phương:	497.443 triệu đồng
2.10. Chi khác ngân sách:	210.500 triệu đồng
2.11. Tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương:	182.354 triệu đồng
2.12. Xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số:	200.000 triệu đồng

3. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính:	3.230 triệu đồng
4. Dự phòng ngân sách các cấp:	848.766 triệu đồng
5. Chi từ nguồn TW bổ sung vốn sự nghiệp:	1.259.023 triệu đồng
6. Chi từ nguồn thu chuyển nguồn năm 2022 chuyển sang:	362.682 triệu đồng

II. Dự toán thu – chi ngân sách cấp huyện, xã.

1. Thu NSNN trên địa bàn cấp huyện, xã:	11.139.136 triệu đồng
2. Nguồn thu ngân sách cấp huyện, xã:	21.579.241 triệu đồng
2.1. Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp:	8.192.939 triệu đồng
2.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh:	13.386.302 triệu đồng
3. Chi ngân sách cấp huyện, xã:	21.579.241 triệu đồng
3.1. Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	4.500.000 triệu đồng
3.2. Chi thường xuyên:	16.733.689 triệu đồng

Trong đó: Tiết kiệm chi thường xuyên

để thực hiện cải cách tiền lương: 236.125 triệu đồng

3.3. Chi dự phòng ngân sách huyện, xã: 345.552 triệu đồng

D. KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ NSDP:

1. Dự nợ đến 31/12/2022:	734.430 triệu đồng
2. Kế hoạch vay năm 2023:	193.600 triệu đồng
3. Kế hoạch trả nợ năm 2023:	65.738 triệu đồng
4. Dự nợ đến 31/12/2023:	862.292 triệu đồng

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 211/TTr-UBND ngày 06/12/2022 của UBND tỉnh).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KTTC (TĐN).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn